

Số: 108/2023/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con, tài sản chung”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 19xx; địa chỉ: đường ĐX95, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp về giải quyết phần tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn S, sinh năm 19xx, địa chỉ: Xã Đồng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá – Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 11/01/2023).

- *Bị đơn*: Bà Ngô Thị Cẩm N, sinh năm 19xx; địa chỉ thường trú: Ấp Tân Long, xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: đường ĐX95, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp về giải quyết phần tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 20xx, địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị L – Công ty Luật Việt Việt – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx, địa chỉ: đường ĐX95, Tổ 46, Khu 6, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Minh T và bà Ngô Thị Cẩm N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Ngô Thị Cẩm N thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngô Minh N, sinh ngày 22/08/20xx cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Minh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2.4. Về Tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất phân chia như sau:

2.4.1. Ông Nguyễn Minh T được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 xe ô tô tải loại chở máy chuyên dụng, biển số 61C – 400.15; 01 xe ô tô tải biển số 61C - 332.54; 01 xe ô tô tải có cần cẩu, biển số 61H – 843.93; 01 xe đầu kéo, biển số 61C – 437.48 (Các xe ô tô nêu trên hiện do ông Nguyễn Minh T là người đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe) và 01 Thùng Contener loại 20Feet.

2.4.2. Ông Nguyễn Minh T tự nguyện thanh toán phân chia trị giá tài sản cho bà Ngô Thị Cẩm N với số tiền là 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Ngô Thị Cẩm N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh T chưa thanh toán xong số tiền trên, thì hàng tháng, ông Nguyễn Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.4.3. Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 có gác lửng, có diện tích xây dựng là 62,2m², kết cấu tường gạch xây tô, sơn nước, tường gạch men, mái tole, gắn liền với phần đất thuộc thửa đất số 1245, tờ bản đồ số 15, Giấy chứng nhận QSDĐ số CL 925362, sổ vào sổ cấp GCN CS 06758 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2018 cho chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị T. Tài sản tọa lạc tại phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. (có sơ đồ kèm theo).

2.5. Về nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Minh T phải chịu 16.822.800đồng (Mười sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/00011xx ngày 30/3/202x và số tiền 1.662.500đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/00020xx ngày 09/11/202x của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Ông Nguyễn Minh T còn phải nộp 14.920.300đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn ba trăm đồng).

+ Bà Ngô Thị Cẩm N phải chịu 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 18.270.000đồng (Mười tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/00013xx ngày 25/5/202x của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Ngô Thị Cẩm N số tiền 9.520.000đồng (Chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

2.7. Về chi phí đo đạc, định giá:

+ Bà Ngô Thị Cẩm N phải nộp số tiền 2.747.000đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), Bà N đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

+ Ông Nguyễn Minh T phải nộp số tiền 2.747.000đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Ngô Thị Cẩm N đã tạm nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND P. Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thiện